|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TỈNH THÁI NGUYÊN** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /2022/NQ-HĐND |  *Thái Nguyên, ngày tháng năm 2022* |

**(DỰ THẢO LẦN 2)**

**NGHỊ QUYẾT**

 **Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 23 tháng 8 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNM ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trương quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của**Thông tư số 85/2019/TT-BTC;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.
2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ quan được giao nhiệm vụ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường;

b) Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường;

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

 **Điều 2.** **Mức thu phí**

| **TT** | **Nội dung** | **Mức thu phí** (đồng/dự án/cơ sở) |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Đối với cấp tỉnh** |  |
| 1 | Phí cấp giấy phép môi trường |  |
| 1.1 | Đối với dự án thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường | 9.000.000 |
| 1.2 | Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường | 11.500.000 |
| 1.3 | Đối với dự án hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực | 4.600.000 |
| 2 | Phí cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường |  |
| 2.1 | Cấp lại giấy phép môi trường | 4.600.000 |
| 2.2 | Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | 280.000 |
| **II** | **Đối với cấp huyện** |  |
| 1 | Phí cấp giấy phép môi trường |  |
| 1.1 | Đối với dự án không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường | 7.800.000 |
| 1.2 | Đối với dự án hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực | 2.90 0.000 |
| 2 | Phí cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường |  |
| 2.1 | Cấp lại giấy phép môi trường | 2.910.000 |
| 2.2 | Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường | 210.000 |

Mức thu phí trên tính theo lần thẩm định cấp/cấp lại/điều chỉnh giấy phép môi trường.

Mức phí không bao gồm chi phí lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải.

**Điều 3. Người nộp phí và tổ chức tổ chức thu phí**

1. Người nộp phí:Các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường.

2. Tổ chức thu phí

a) Cơ quan cấp tỉnh: Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Cơ quan cấp huyện: Phòng Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 4. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí**

1. Kê khai, thu, nộp phí

a) Người nộp phí thực hiện nộp phí thẩm định đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường sau khi có văn bản thông báo nộp phí của cơ quan thẩm định. Phí nộp đủ trực tiếp cho tổ chức thu phí hoặc nộp vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách của tổ chức thu phí mở tại Kho bạc Nhà nước.

b) Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

2. Quản lý và sử dụng phí

Cơ quan thu phí được trích lại 90% số tiền thu phí để trang trải chi phí cho các nội dung chi theo các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý và sử dụng phí; nộp 10% số còn lại vào ngân sách nhà nước theo quy định.

**Điều 5**. **Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Bãi bỏ quy định về phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi tại khoản 3, Điều 2 và toàn bộ mục 1.3, Phụ lục III Nghị quyết số 49/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên kể từ khi Nghị quyết này có hiệu lực.

4. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thông qua ngày tháng năm 2022, có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2022./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- UBTVQH;- Chính phủ;- VPQH, VPCP; Website Chính phủ;- Các Bộ: Tài chính, TN&MT, NN&PTNT;- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;- Đoàn ĐBQH tỉnh;- TAND, VKSND tỉnh;- Các sở, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh;- Các đại biểu HĐND tỉnh;- TTHĐND, UBND các huyện, thành, thị;- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Báo PT, Đài PTTH tỉnh;- Lưu VT, TH (L......b). | **CHỦ TỊCH****Phạm Hoàng Sơn** |